PHENOL

KHH

- Tính acid: ancol < H_2O < phenol < H_2CO_3
- S_E (NO_2^-): phenol + HNO_3 $\xrightarrow{H_2SO_4}$ 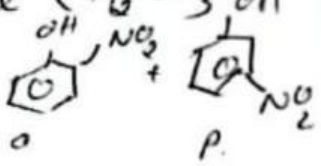
- Tạo phức vs Fe^{3+} → xanh tím (phản nhận biết phenol)
- Dễ bị oxy hoá (để lâu → hồng): 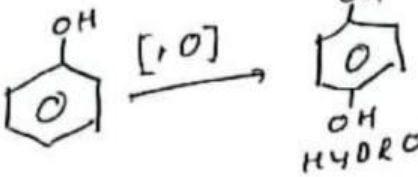 ; α naphtol 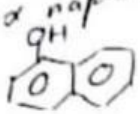

HYDROQUINON (CÔ BIOXH)

Ứng dụng

- PHENOL: HCC; ĐỘC; HÚT ẨM
- HYDROQUINON (poly phenol)
  - nguồn: chè xanh, vit E, resveratrol
  - khả năng: phá gốc tự do
  - → chống lão hoá, ung thư

tạo bền phức Fe^{3+}

phenol < lactic < salicylic < oxalic.

THIALCOL

R–SH: nhóm mercaptan

Danh pháp

- gốc chức: methyl mercaptan
- IUPAC: methanthiol.

- phenyl mercaptan
- thiophenol.

TCHH

- t° sôi: H_2O > ancol > thiol > este
- Tính acid: ancol < H_2O < thiol < phenol < H_2CO_3
- Dễ bị oxy hoá → disulfid –S–S–

$C_2H_5SH \xrightarrow{[O]} C_2H_5-S-S-C_2H_5$

Vai trò ứng dụng

- nhiều trong tóc, móng
- định lượng = PP chuẩn độ Iod
- Thiopental: thuốc gây mê (dạng muối)
- Cystein
  - long đờm
  - giải độc Yperit, Arsenic, Hg

ETHER

TCHH

- + [O KK] → peroxyd hữu cơ

$CH_3-O-CH_3 \xrightarrow{[O]} CH_3-\underset{OH}{CH}-O-O-\underset{OH}{CH}-CH_3$

- Có ở ptử thyroxin (hormon tuyến giáp)
- Định tính peroxyd trong ether mê: = dd KI và hồ tinh bột

Ứng dụng

- Thuốc mê
- dung môi → chiết, tách, tinh chế

LIVEWORKSHEETS